| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 71/2020/DS-PT<br>Ngày: 05/6/2020<br>V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Bá Kha

*Các thẩm phán*: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Bà Trần Thị Trâm Anh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Đào Thị Ngọc Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2020/TLPT-DS ngày 18 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi.

Do bản án sơ thẩm số 34/2019/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2020/QĐPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh H (*Hùng L*), sinh năm 1974 (Có mặt).

Bà Huỳnh Ngọc Y, sinh năm 1974 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp M, xã Vân Khánh Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn*: Bà Tô Kim M, sinh năm 1974 (Có mặt).

Ông Lương Văn H, sinh năm 1971 (Vắng mặt).

Người đại theo ủy quyền của ông H: Bà Tô Kim M, sinh năm 1974 (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/7/2019).

Cùng địa chỉ: ấp M, xã Vân Khánh Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- *Người làm chứng*:

1. NLC1, sinh năm 1968 (Có mặt).

2. NLC2, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

3. NLC3, sinh năm 1967 (Vắng mặt).

4. NLC4, sinh năm 1979 (Có mặt).

5. NLC5, sinh năm 1963 (Có mặt).

Cùng cư trú: Ấp M, xã Vân Khánh Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Tô Kim M và ông Lương Văn H.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H (Hùng L) và bà Huỳnh Ngọc Y trình bày*: Vào năm 2012, vợ chồng ông bà có tham gia 03 dây hụi tháng do vợ chồng bà M làm chủ hụi, mỗi dây ông bà tham gia 01 chân hụi. Mỗi chân hụi là 3.000.000 đồng/tháng. Trong đó, có 02 dây hụi có 31 người tham gia và 01 dây hụi có 34 người tham gia. Đến năm 2014, bà M ngưng (úp) hụi nhưng 03 chân hụi này vợ chồng ông bà vẫn chưa được hốt (lĩnh) hụi.

Khi ngưng (úp) hụi, bà M có tổ chức cho các hụi viên bốc thăm để tới lượt bà M trả tiền. Vợ chồng ông bà bốc thăm được 03 phiếu và số tiền bà M phải trả cho ông bà là 192.000.000 đồng (*Trong đó: 01 phiếu thăm số tiền 57.000.000 đồng, 01 phiếu thăm số tiền 60.000.000 đồng và 01 phiếu thăm số tiền 75.000.000 đồng*).

Sau đó, bà M trả được tổng cộng là 159.000.000 đồng (*bao gồm đã trừ 15.000.000 đồng của NLQ3, bà M có viết 02 biên nhận ngày 05/5/2014 và ngày 25/5/2014 âm lịch*) và còn nợ lại ông bà 33.000.000 đồng. Bà M có hẹn khi gom tiền hụi của các thành viên khác thì bà M sẽ trả cho ông bà nhưng đến nay bà không trả. Ông bà có đến nhà nhắc nhở nhiều lần thì bà M cứ hứa hẹn nhiều lần và đến nay thì bà M nói là ông bà đã cho bà M số tiền còn lại nên bà M không trả cho ông bà nên ông bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà M, ông H trả cho ông bà số tiền còn lại là 33.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông bà yêu cầu vợ chồng bà Tô Kim M, ông Lương Văn H trả cho ông bà 01 lần số tiền hụi còn nợ lại là 33.000.000 đồng. Ngoài ra, ông bà không yêu cầu gì thêm.

* *Bị đơn ông Lương Văn H và bà Tô Kim M trình bày*: Ông bà xác nhận, từ năm 2012 đến năm 2014 vợ chồng ông H (Hùng L), bà Y có tham gia 03 chân hụi tháng do ông bà làm chủ.

Đến khoảng năm 2014, do các thành viên hụi giựt nhiều nên ông bà ngưng (úp) hụi. Trong thời gian này, ông bà cho các thành viên hụi đến bốc thăm, giữa bà và vợ chồng bà Y chốt lại số tiền của 03 chân hụi thì ông bà còn nợ vợ chồng bà Y số tiền là 195.000.000 đồng (*chưa trừ tiền huê hồng 4.500.000 đồng*), ông bà đã trả được số tiền là 147.000.000 đồng và còn nợ lại 48.000.000 đồng.

Trong số nợ 48.000.000 đồng này thì ông bà trừ huê hồng 4.500.000 đồng và trừ nợ của NLQ3 15.000.000 đồng thì số tiền còn nợ lại ông H (Hùng L), bà Y là 28.500.000 đồng.

Sau đó, bà Y có làm biên nhận với nội dung là số tiền ông bà còn nợ là 48.000.000 đồng thì bà Y chỉ lấy 15.000.000 đồng, số còn lại là 33.000.000 đồng bà Y bỏ. Biên nhận viết từ năm 2014 nên bà đã xé bỏ không còn lưu giữ.

Bà khẳng định từ năm 2014 đến tháng 4/2019, vợ chồng bà Y không có đến nhà bà để nhắc số nợ này (*có NLQ5 và NLQ4 làm chứng*). Vào khoảng tháng 5/2019, bà Y mới lại nhà bà để nói chuyện về số nợ này, bà Y nói là trước đây có hứa cho bà nhưng giờ hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng bà Y kêu vợ chồng bà trả số tiền đó nên ông bà không đồng ý trả. Việc vợ chồng bà Y hứa không lấy số tiền 33.000.000 đồng là có NLQ2, NLQ3 và NLQ1 chứng kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà M xác nhận sau khi tính toán tiền hụi và trả tiền cho ông H (Hùng L), bà Y thì vợ chồng bà còn nợ lại số tiền là 33.000.000 đồng. Nhưng ông H (Hùng L) và bà Y hứa cho vợ chồng bà số tiền nợ này nên nay bà không đồng ý trả theo yêu cầu của ông H (Hùng L), bà Y. Đồng thời, bà không yêu cầu vợ chồng bà Y trả cho bà số tiền huê hồng là 4.500.000 đồng.

* *Người làm chứng:*

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/8/2019, NLC3 trình bày như sau*: Trước đây, bà có tham gia chơi các dây hụi do bà M làm chủ, vợ chồng bà Y cũng có tham gia. Trong quá trình chơi hụi thì bà có nợ bà M số tiền là 15.000.000 đồng, đồng thời bà M có nợ tiền hụi lại bà Y nhưng bà không biết cụ thể là bao nhiêu. Sau đó, cả 03 thỏa thuận, giao cho bà có trách nhiệm trả cho bà Y số tiền 15.000.000 đồng là bà hết nợ bà M và số tiền này bà đã trả xong cho bà Y từ năm 2017.

Bà khẳng định, giấy xác nhận ngày 09/7/2019 mà bà M cung cấp cho Tòa án là do bà ký tên nhưng nội dung trong giấy xác nhận là do bà M viết sẵn và bà M có nói là nếu bà đã trả xong cho bà Y thì ký vào giấy xác nhận là đã trả cho bà Y để bà M cung cấp cho Tòa án.

Do đó, bà ký tên mà không kêu bà M đọc lại nội dung cho bà nghe và do mắt bà mờ nên cũng không tự đọc lại nội dung. Nay, bà khẳng định bà không biết bà M nợ bà Y bao nhiêu tiền và không nghe bà Y nói gì về việc bà Y hứa cho bà M tiền nợ còn lại.

Tại phiên tòa sơ thẩm NLQ3 xác nhận không trực tiếp nghe vợ chồng bà Y nói cho bà M số nợ còn lại.

- *Tại biên bản đối chất ngày 11/9/2019 NLC1 xác nhận:* Việc tham gia chơi hụi giữa bà Y và bà M và có nợ tiền hụi bao nhiêu là ông không biết nhưng ông chỉ nghe ông H (Hùng L) nói qua điện đàm khi ông đang trên ghe đi biển về việc cho bà M số nợ còn lại, ông không nghe bà Y nói gì. Đối với giấy xác nhận ngày 09/7/2019 mà bà M cung cấp là do ông ký và nói nội dung để bà M viết.

Tại phiên tòa sơ thẩm NLQ1 xác nhận ông chỉ nghe ông H nói cho bà M số nợ còn lại qua diện đàm, không trực tiếp nghe bà Y nói.

- *Tại biên bản đối chất ngày 11/9/2019 NLC2 xác nhận:* Bà hoàn toàn không biết gì về việc nợ hụi giữa bà Y và bà M, nhưng trước đây bà có nghe NLQ1 về nói lại là việc ông H (Hùng L) có nói số tiền mà bà M còn nợ lại thì vợ chồng ông Thanh H cho bà M. Bà xác nhận chỉ nghe NLQ1 về nói lại chứ không trực tiếp nghe từ ông H và bà Y.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/10/2019 bà Lâm Thanh Thúy trình bày:* Bà không có mối quan hệ gì với vợ chồng bà Y và vợ chồng bà M. Trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến nay, bà trực tiếp đưa rước con đi học tại trường học cặp bên nhà bà M. Do đó, bà qua nhà bà M chơi để đợi con bà học xong thì bà rước về. Thời gian bà ở nhà bà M là buổi sáng từ 07 giờ đến 10 giờ và buổi chiều là từ 13 giờ đến 16 giờ; bà đưa con đi học liên tục từ ngày thứ hai đến ngày thứ sáu. Bà khẳng định là trong thời gian bà ở nhà bà M thì bà không thấy bà Y lại nhà bà M đòi nợ. Trước đây, bà có nghe nói bà M đã trả hết nợ cho bà Y nhưng không biết trả bằng cách nào.

Tại phiên tòa sơ thẩm NLQ4 xác nhận: Trong khoảng thời gian ở nhà bà M không thấy bà Y lại đòi nợ, còn ngoài khoảng thời gian đó thì không biết.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/10/2019 NLC5 trình bày*: Bà không có mối quan hệ gì với vợ chồng bà Y và vợ chồng bà M. Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến nay, bà trực tiếp đưa rước cháu ngoại của bà đi học tại trường học cặp bên nhà bà M. Do đó, bà qua nhà bà M chơi để đợi cháu bà học xong thì bà rước về. Thời gian bà ở nhà bà M là buổi sáng từ 07 giờ đến 10 giờ và buổi chiều là từ 13 giờ đến 16 giờ; bà đưa cháu ngoại đi học liên tục từ ngày thứ hai đến ngày thứ sáu. Bà khẳng định là trong thời gian bà ở nhà bà M thì bà không thấy bà Y lại nhà bà M đòi nợ. Trước đây, bà có nghe nói bà M đã trả hết nợ cho bà Y nhưng không biết trả bằng cách nào.

Tại phiên tòa sơ thẩm NLQ 5 xác nhận: Trong khoảng thời gian ở nhà bà M không thấy bà Y lại đòi nợ, còn ngoài khoảng thời gian đó thì không biết.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DS-ST ngày 23/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang đã xét xử, quyết định:*

Buộc bà Tô Kim M, ông Lương Văn H trả cho ông Nguyễn Thanh H (*Hùng L*), bà Huỳnh Ngọc Y số tiền hụi còn nợ là 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn quyết định về lãi suất chậm trả, án phí và báo quyền kháng cáo cho đương sự theo quy định pháp luật.

*Sau khi xét xử sơ thẩm,* ngày 06/11/2019 bà M và ông H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét xử lại toàn bộ vụ án, vợ chồng ông bà không đồng ý trả cho ông H, bà Y 33.000.000 đồng và yêu cầu ông H, bà Y trả lại cho vợ chồng ông, bà số tiền huê hồng 4.500.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, đồng ý khấu trừ cho vợ chồng ông H, bà Y số tiền huê hồng 4.500.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử sửa nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Phía bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang nêu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đối với kháng cáo của vợ chồng bà M, ông Văn H không đồng ý trả cho ông Thanh H, bà Y số tiền 33.000.000 đồng là không có cơ sở để xem xét. Còn số tiền huê hồng 4.500.000 đồng bà M, ông Văn H yêu cầu vợ chồng bà Y trả cho ông bà cũng không có cơ sở xem xét. Bởi, ở cấp sơ thẩm ông bà không có yêu cầu phản tố nên cấp phúc thẩm không có thẩm quyền để xem xét. Tại phiên tòa phúc thẩm, vợ chồng ông H, bà Y đồng ý trừ số tiền huê hồng 4.500.000 đồng cho bà M, chỉ yêu cầu vợ chồng bà M trả 28.500.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự thỏa thuận của ông H (Hùng L), bà Y và không chấp nhận kháng cáo của ông Văn H, bà M.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lương Văn H có đơn kháng cáo nhưng vắng mặt và có ủy quyền cho bà Tô Kim M có mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Do đó, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất vẫn tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Về áp dụng pháp luật: Các đương sự đều thống nhất vợ chồng ông H, bà Y tham gia 03 dây hụi từ năm 2012 đến 2014 do vợ chồng bà M làm chủ hụi, bà M có ký biên nhận nợ ngày 05/5/2014 âm lịch và 25/5/2014 âm lịch (Bl 02, 03), Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm thẩm cần áp dụng Điều 471 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực ngày 01/01/2017 để giải quyết tranh chấp là chưa phù hợp, cần rút kinh nghiệm.

[3] Xét nội dung kháng cáo của ông Văn H và bà M, Hội đồng xét xử xét thấy các đương sự đều thừa nhận từ năm 2012 đến năm 2014 vợ chồng ông Thanh H, bà Y có tham gia 03 dây hụi tháng do vợ chồng bà M làm chủ hụi, mỗi dây ông, bà tham gia 01 chân hụi. Mỗi chân hụi là 3.000.000 đồng/tháng. Năm 2014, vợ chồng bà M ngưng (úp) hụi nhưng 03 chân hụi này vợ chồng bà Y vẫn chưa được hốt (lĩnh) hụi. Khi ngưng (úp) hụi, bà M có tổ chức cho các hụi viên bốc thăm để

tới lượt bà M trả tiền. Vợ chồng bà Y bốc thăm được 03 phiếu và số tiền bà M phải trả cho ông bà là 192.000.000 đồng (*Trong đó: 01 phiếu thăm số tiền 57.000.000 đồng, 01 phiếu thăm số tiền 60.000.000 đồng và 01 phiếu thăm số tiền 75.000.000 đồng*). Theo vợ chồng bà Y cho rằng sau khi tính toán bà M đã trả cho vợ chồng bà Y số tiền 159.000.000 đồng (*bao gồm đã trừ 15.000.000 đồng của NLQ3, bà M có viết 02 biên nhận ngày 05/5/2014 và ngày 25/5/2014 âm lịch*) và còn nợ lại ông bà 33.000.000 đồng. Còn phía bà M cho rằng số tiền sau khi bốc thăm chốt lại số tiền của 03 chân hụi thì ông bà còn nợ vợ chồng bà Y số tiền là 195.000.000 đồng (*chưa trừ tiền huê hồng 4.500.000 đồng*), ông bà đã trả được số tiền là 147.000.000 đồng và còn nợ lại 48.000.000 đồng. Trong số nợ 48.000.000 đồng này thì ông bà trừ huê hồng 4.500.000 đồng và trừ nợ của NLQ3 15.000.000 đồng thì số tiền còn nợ lại ông Thanh H, bà Y là 28.500.000 đồng. Sau đó, bà Y có làm biên nhận với nội dung là số tiền ông bà còn nợ là 48.000.000 đồng thì bà Y chỉ lấy 15.000.000 đồng, số còn lại là 33.000.000 đồng bà Y hứa cho bà M. Biên nhận viết từ năm 2014 nên bà đã xé bỏ không còn lưu giữ.

[4] Xét thấy trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà M đều thừa nhận còn nợ vợ chồng ông Thanh H, bà Y số tiền 33.000.000 đồng nhưng do vợ chồng ông H, bà Y đã hứa cho vợ chồng bà M số tiền 33.000.000 đồng. Tuy nhiên, việc hứa cho này phía ông Thanh H, bà Y không thừa nhận. Xét lời khai của những người làm chứng NLQ2, NLQ3 và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay NLQ1, NLQ4, NLQ5 đều xác định cũng chỉ nghe nói là vợ chồng ông Thanh H, bà Y hứa cho vợ chồng bà M số tiền 33.000.000 đồng chứ các bên cũng không chứng kiến việc hứa cho này. Ngoài những lời khai của những người làm chứng nêu trên thì vợ chồng bà M cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh việc vợ chồng ông Thanh H, bà Y hứa cho vợ chồng bà số tiền trên nên Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo này của ông Lương Văn H và bà Tô Kim M.

[5] Xét kháng cáo của ông Văn H và bà M yêu cầu vợ chồng ông Thanh H, bà Y trả lại cho vợ chồng ông, bà số tiền huê hồng 4.500.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết ở Tòa án cấp sơ thẩm, vợ chồng ông Văn H, bà M không có yêu cầu phản tố về việc yêu cầu vợ chồng ông Thanh H, bà Y trả lại cho vợ chồng ông, bà số tiền huê hồng 4.500.000 đồng, nay vợ chồng bà M có kháng cáo yêu cầu vợ chồng ông Thanh H, bà Y trả lại cho vợ chồng ông, bà số tiền huê hồng 4.500.000 đồng thì Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, vợ chồng ông  Thanh H, bà Y đồng ý trừ số tiền huê hồng 4.500.000 đồng cho vợ chồng bà M, chỉ yêu cầu vợ chồng bà M trả cho vợ chồng bà Y số tiền 28.500.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Thanh H và bà Y.

[6] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Do quá trình giải quyết ở Tòa án cấp sơ thẩm vợ chồng bà Y yêu cầu vợ chồng bà M trả số tiền 33.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà Y nên phía vợ chồng bà M chịu tiền án phí dân sự có giá ngạch trên số tiền 33.000.000 đồng, do đó vợ chồng bà M phải chịu tiền án phí là 1.650.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay vợ chồng bà Y chỉ yêu cầu vợ chồng bà M trả số tiền 28.500.000 đồng và Hội

đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa lại bản án dân sự sơ thẩm nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xác định lại nghĩa vụ chịu nộp án phí dân sự sơ thẩm của vợ chồng ông Lương Văn H bà Tô Kim M như sau: 28.500.000 đồng x 5% = 1.425.000 đồng (Một triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Từ những nhận định nêu trên nên trong khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Lương Văn H, bà Tô Kim M và sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang theo hướng ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của vợ chồng ông Nguyễn Thanh H (Hùng L), bà Huỳnh Ngọc Y trừ số tiền huê hồng 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) cho vợ chồng ông Lương Văn H, bà Tô Kim M trong tổng số tiền hụi nợ 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng). Yêu cầu vợ chồng bà M trả cho vợ chồng ông Thanh H, bà Y số tiền 28.500.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lương Văn H và bà Tô Kim M phải nộp 300.000 đồng do nội dung kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 471 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 quy định về họ, hụi, biêu, phường; khoản 1 Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 quy định về họ, hụi, biêu, phường; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Lương Văn H và bà Tô Kim M.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang theo hướng .

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H (Hùng L), bà Huỳnh Ngọc Y.

- Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của vợ chồng ông Nguyễn Thanh H (Hùng L), bà Huỳnh Ngọc Y trừ số tiền huê hồng 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) cho vợ chồng ông Lương Văn H, bà Tô Kim M trong tổng số tiền hụi nợ 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng).

- Buộc bà Tô Kim M, ông Lương Văn H trả cho ông Nguyễn Thanh H (Hùng L), bà Huỳnh Ngọc Y số tiền hụi còn nợ là 28.500.000 đồng (Hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:*

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Thanh H (Hùng L) và bà Huỳnh Ngọc Y số tiền tạm ứng án phí là 825.000 đồng (Tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) mà ông bà đã nộp theo lai thu số 0006414 ngày 25/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Ông Lương Văn H và bà Tô Kim M phải chịu án phí số tiền là 1.425.000đ (Một triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

- *Án phí dân sự phúc thẩm:* Ông Lương Văn H và bà Tô Kim M phải nộp 300.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007522 ngày 06/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện A;
- THA dân sự huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Trần Bá Kha**